

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thanh Thủy.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Vũ Thị Lệ Thủy và ông Nguyễn Văn Đồi**

- Thư ký phiên tòa: **Ông Lã Phú Huy** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: **Bà Trần Thị Hương Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST-DSST ngày 07.8.2023, quyết định hoãn phiên tòa số 102/2023/QĐST-DS ngày 23.8.2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT; Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức vụ: Tổng Giám đốc. Bà Nguyễn Đức Thạch D uỷ quyền cho ông Nguyễn Thế C; Chức vụ: Giám đốc - Ngân hàng Sài Gòn TT, Chi nhánh sông Hàn; Trụ sở: số 240 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy uỷ quyền số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT). Ông Nguyễn Thế C uỷ quyền cho ông Võ Văn H; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT, Chi nhánh sông Hàn (Theo Giấy uỷ quyền số 534/2022/GUQ-CNSH ngày 30/12/2022) và ông Trương Đình V; Chức vụ: Chuyên viên Quản lý Nợ (Theo Giấy uỷ quyền số 537/2022/GUQ-CNSH ngày 30/12/2022). có mặt

* **Bị đơn:** Ông Trần Hoàng A; Sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Số 130 đường Bùi Huy Bích, phường Nại Hiên đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 11 tháng 11 năm 2019, ông Trần Hoàng A có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều

kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Ông Trần Hoàng A ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11.11.2019 được Ngân hàng chấp thuận ngày 14.11.2019 và thẻ có hiệu lực ngày 21.11.2019 đến 21.11.2022.

Căn cứ thu nhập của ông Trần Hoàng A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trần Hoàng A đã thực hiện 13 giao dịch với tổng số tiền 136.733.713 đồng. Lãi suất áp dụng 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn) và được Sacombank quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Trần Hoàng A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 103.773.781 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Trần Hoàng A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Trần Hoàng A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 02 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/11/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Số tiền ông Trần Hoàng A đã giao dịch trong 13 lần, cụ thể như sau:

- + Ngày 22.12.2019 giao dịch mua hàng với số tiền 12.049.682 đồng
- + Ngày 22.01.2020 giao dịch mua hàng với số tiền 773.668 đồng
- + Ngày 22.02.2020 giao dịch mua hàng với số tiền 1.440.000 đồng
- + Ngày 22.3.2020 giao dịch mua hàng với số tiền 895.000 đồng
- + Ngày 22.9.2020 giao dịch mua hàng với số tiền 5.916.452 đồng
- + Ngày 22.10.2020 giao dịch mua hàng với số tiền 3.883.422 đồng
- + Ngày 22.12.2020 giao dịch mua hàng với số tiền 4.365.797 đồng
- + Ngày 22.01.2021 giao dịch mua hàng với số tiền 8.082.000 đồng
- + Ngày 22.02.2021 giao dịch mua hàng với số tiền 7.701.000 đồng
- + Ngày 22.3.2021 giao dịch mua hàng với số tiền 31.219.300 đồng
- + Ngày 22.4.2021 giao dịch mua hàng với số tiền 16.410.900 đồng
- + Ngày 22.5.2021 giao dịch mua hàng với số tiền 41.246.492 đồng
- + Ngày 22.6.2021 giao dịch mua hàng với số tiền 2.750.000 đồng

Tổng cộng số tiền ông Trần Hoàng A đã vay thể hiện qua 13 lần giao dịch qua các lần là: 136.733.713 đồng

Số tiền ông Trần Hoàng A nợ Ngân hàng tính đến ngày 22.11.2021 được tính như sau:

Số tiền giao dịch: 136.733.713 đồng

Số tiền thanh toán: 103.733.781 đồng

Tổng các khoản phí: $913.937 + 229.747 + 2.458.000 = 3.601.684$ đồng

Tổng tiền lãi(từ ngày 22.11.2019 đến ngày 22.11.2021) = 8.291.060 đồng.

Quá trình vay, ông Trần Hoàng A đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc, lãi và phí là: 91.881.037 đồng (thanh toán từ 22.11.2019 đến 22.11.2021). Như vậy ông Trần Hoàng A còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 22.11.2021 số tiền là 44.852.676 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng xác định tính đến ngày 11.9.2023 ông Trần Hoàng A còn nợ số tiền 83.219.340 đồng. Trong đó nợ gốc là 44.852.676 đồng, nợ lãi quá hạn là: 38.266.664 đồng và đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông Trần Hoàng A tiếp tục có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi và phí phát sinh kể từ ngày 12.9.2023 cho đến khi trả dứt điểm khoản tiền nợ theo quy định của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT.

* Bị đơn ông Trần Hoàng A đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông Trần Hoàng A đã trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ thụ lý cho đến phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ về tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT đối với ông Trần Hoàng A là có cơ sở căn cứ Điều 280 BLDS năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng có đủ cơ sở đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu “*Tranh chấp Hợp đồng cung ứng dịch vụ không*

dùng tiền mặt” của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT đối với ông Trần Hoàng A.

- Buộc ông Trần Hoàng A phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT số tiền nợ là 83.219.340 đồng. Trong đó nợ gốc là 44.852.676 đồng, nợ lãi quá hạn là: 38.266.664 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 12.9.2022 theo thỏa thuận hai bên cho đến khi Trần Hoàng A thanh toán xong mọi khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: *Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt* giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT và ông Trần Hoàng A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Hoàng A là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Hoàng A.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 11.11.2019 ông Trần Hoàng A ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng theo đó hai bên cam kết đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cùng với mẫu đơn này tạo nên hợp đồng chi phối việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Trần Hoàng A với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng dưới hình thức hạn mức tín dụng để tiêu dùng cá nhân. Ông Trần Hoàng A được Ngân hàng thông báo về mức lãi suất cụ thể là 2,6%/tháng (Lãi suất trong hạn) và được Sacombank quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Căn cứ vào thu nhập của ông Trần Hoàng A, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông Trần Hoàng A. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trần Hoàng A đã thực hiện 13 giao dịch bao gồm giao dịch mua hàng với tổng số tiền là: 136.733.713 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Trần Hoàng A đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền là: 103.773.781 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Trần Hoàng A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Trần Hoàng A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 02 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/11/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của

Ngân hàng). Tính đến ngày 11.9.2023 ông Trần Hoàng A còn nợ Ngân hàng số tiền là 83.219.340 đồng. Trong đó nợ gốc là 44.852.676 đồng, nợ lãi quá hạn là: 38.266.664 đồng và đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông Trần Hoàng A tiếp tục có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi và phí phát sinh kể từ ngày 12.9.2023 cho đến khi trả dứt điểm khoản tiền nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT với ông Trần Hoàng A trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 22.11.2021 ông Trần Hoàng A đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Trần Hoàng A vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 23.11.2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ tính đến ngày 22.11.2021 ông Trần Hoàng A còn nợ Ngân hàng số tiền là 83.219.340 đồng. Trong đó nợ gốc là 44.852.676 đồng, nợ lãi quá hạn là: 38.266.664 đồng

Hội đồng xét xử xét thấy ông Trần Hoàng A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 02 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng như đã ký kết. Việc khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Hoàng A phải trả số tiền còn nợ nói trên là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015, điểm b, khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2021/NĐ-CP ngày 22/11/2021 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt nên cần được chấp nhận.

[4] Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 12.9.2023 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng ngày 11.11.2019 cho đến khi ông Trần Hoàng A thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT được chấp nhận nên bị đơn là ông Trần Hoàng A phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền ông Trần Hoàng A phải chịu là (83.219.340 đồng x 5%) = 4.160.967 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 280 Bộ luật dân sự;

- khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Nghị định 101/2021/NĐ-CP ngày 22/11/2021 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

- Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*" của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT đối với ông Trần Hoàng A.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trần Hoàng A phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT số tiền tính đến ngày 11.9.2023 là 83.219.340 đồng (*tám mươi ba triệu, hai trăm mười chín ngàn, ba trăm bốn mươi đồng*). Trong đó nợ gốc là 44.852.676 đồng, nợ lãi quá hạn là: 38.266.664 đồng

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 12.9.2023 trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng ngày 11.11.2019 cho đến khi ông Trần Hoàng A thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 4.160.967 đồng (*bốn triệu, một trăm sáu mươi ngàn, chín trăm sáu mươi bảy đồng*) ông Trần Hoàng A phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT số tiền tạm ứng án phí 1.850.166 đồng (*một triệu, tám trăm năm mươi ngàn, một trăm sáu mươi sáu đồng*) theo biên lai thu số 0003873 ngày 29.6.2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND quận Sơn Trà;
- Chi cục Thi hành án Sơn Trà;
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy

